

Số: 246/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án thực hiện việc hạn chế
khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;
Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương Dự án “Lập Phương án thực hiện hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 633/TTr-STNMT ngày 27 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Phương án).

Điều 2. Giao Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Công bố Phương án trên các phương tiện thông tin đại chúng và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của UBND

tỉnh; thông báo tới các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có công trình khai thác nước thuộc vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc vùng hạn chế thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án đã quy định.

c) Đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Phương án. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

d) Triển khai các nội dung về phương án thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất đối với Công ty TNHH MTV Tấn Phát BP tại Phụ lục I của Phương án và hướng dẫn Công ty TNHH MTV Tấn Phát BP thực hiện theo đúng quy định.

e) Rà soát, điều chỉnh Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Xây dựng:

Phối hợp với các đơn vị cấp nước tập trung nghiên cứu các giải pháp cung cấp nước cho các tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất trong vùng hạn chế thuộc phạm vi quản lý; vận động các tổ chức, cá nhân trong vùng hạn chế sử dụng hệ thống nước cấp tập trung do các đơn vị cấp nước cung cấp.

3. Các Sở, ban, ngành khác:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức tuyên truyền vận động công chức, viên chức, các đơn vị thuộc quyền quản lý thực hiện Phương án.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức tuyên truyền, giám sát các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất thực hiện Phương án. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5. Đề nghị các đơn vị cấp nước:

Nghiên cứu, có giải pháp đẩy nhanh tiến độ phủ kín mạng lưới cấp nước tập trung tại các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định, đặc biệt là các Vùng hạn chế 1 ở thành phố Đồng Xoài, thị xã Chơn Thành, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long và các địa phương còn lại.

6. Các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất:

Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất nằm trong vùng hạn chế theo Phương án đã được phê duyệt.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư đơn vị cấp nước, khai thác nước có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, P. KT_(BH-81-QĐ-28/12).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Anh Minh



Bình Phước, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC
NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**
(Kèm theo Quyết định số 2446/QĐ/UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Nguyên tắc xây dựng Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất

Việc hạn chế khai thác nước dưới đất dựa theo các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm cả việc bồi thường thiệt hại, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) trong trường hợp bị thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật.

b) Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp hạn chế khai thác được áp dụng cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực hạn chế và thứ tự thực hiện đối với từng đối tượng, trường hợp theo quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

c) Ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai.

d) Thực hiện theo phương án, lộ trình phù hợp được phê duyệt, đảm bảo không gây gián đoạn việc cấp nước.

2. Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế 1

a) Đối với các khu vực thuộc phạm vi các bãi rác, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang (nghĩa địa) tập trung thì dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có (nếu có) và xem xét, quyết định việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

b) Đối với các khu vực liền kề với các bãi rác, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang (nghĩa địa) tập trung, ranh mặn các tầng chứa nước thì không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác sau:

- Trường hợp công trình không có giấy phép: Bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai. Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp

nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và chỉ xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện có 43 giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này. Danh mục các công trình này được thể hiện trong Phụ lục 1.

3. Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế 3

- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thì được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình đã có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện có 18 giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này. Danh mục các công trình này được thể hiện trong Phụ lục 2.

4. Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác đối với Vùng hạn chế hỗn hợp

Việc áp dụng các biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế hỗn hợp được xem xét, quyết định trên cơ sở các biện pháp hạn chế khai thác tương ứng với từng vùng hạn chế theo thứ tự từ vùng hạn chế 1, 3. Cụ thể như sau:

- Dừng toàn bộ mọi hoạt động khai thác nước dưới đất hiện có, tiến hành trám lấp giếng khai thác theo quy định (đối với khu vực bãi rác, bãi chôn lấp chất thải rắn, nghĩa trang tập trung).

- Không cấp giấy phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.

- Đối với công trình không có giấy phép: Dừng hoạt động khai thác, thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định; trừ công trình đang khai thác nước dưới đất phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai;

- Đối với công trình có giấy phép: Được tiếp tục khai thác đến hết thời gian hiệu lực của giấy phép và thực hiện biện pháp theo thứ tự sau:

+ Chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép đối với công trình đang khai thác nước dưới đất phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai (Vùng hạn chế 1).

+ Tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật tài nguyên nước (Vùng hạn chế 3).

Trên địa bàn tỉnh Bình Phước không có giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng này./.



Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC 1 (BÃI RÁC, KHU XỬ LÝ RÁC THẢI, NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA)

(Kèm theo Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước được phê duyệt tại Quyết định số 2446/QĐ/UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106°15', múi chiếu 3 ⁰)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/ Khu phố	Xã/ phường/ thị trấn	Huyện/ thị xã/ thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I															
Vùng lõi (trong phạm vi bãi rác, khu xử lý rác thải, nghĩa trang, nghĩa địa)															
Không có công trình khai thác															
II															
Vùng liền kề của vùng hạn chế I															
II.1 Công trình không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất đã hết hạn															
1	G1	565463	1331770	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30	Không có Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất			Công ty TNHH Chăn nuôi Lê Phát	HCBD1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai. Được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
2	G2	565465	1331786	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30					HCBD1	
3	G3	565470	1331773	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30					HCBD1	
4	G4	565459	1331752	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₅	60	30					HCBD1	
5	PT1	562638	1333885	3	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	45	60	01/GP-UBND	05/01/2018	5	Công ty TNHH Chăn nuôi Phúc An	HCBD1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Thời hạn hiệu lực của giấy phép hết ngày 05/01/2023. Nếu Công ty còn đang hoạt động khai thác, sử dụng nước cho mục đích sản xuất chăn nuôi, bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai. Được xem xét, cấp giấy phép cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. - Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
6	PT2	562755	1333880	3	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	45	60					HCBD1	
7	PT3	563023	1334051	3	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	45	60					HCBD1	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 106°15', múi chiếu 3°)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/ Khu phố	Xã/ phường/ thị trấn	Huyện/ thị xã/ thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II.2 Công trình có giấy phép khai thác nước dưới đất còn thời hạn															
8	G1	566254	1332836	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	75	30	50/GP-UBND	04/06/2020	5	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích	HCBD1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 04/06/2025).
9	G2	566339	1332858	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	75	40					HCBD1	- Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
10	G3	566439	1332974	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	75	30					HCBD1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
11	G1	561627	1334663	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	30	53/GP-UBND	16/06/2020	5	Công ty TNHH Thành Hưng Bình Phước	HCBD1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 16/06/2025).
12	G2	561789	1334655	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	30					HCBD1	- Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
13	G3	561920	1334600	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	30					HCBD1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
14	G4	561683	1334544	Bù Tam	Hưng Phước	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	32					HCBD1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
15	G1	566265	1332194	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	45	59/GP-UBND	01/07/2020	5	Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phát Lộc	HCBD1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 01/07/2025).
16	G2	566233	1332126	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	45					HCBD1	- Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
17	G3	565958	1332131	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	47					HCBD1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
18	G4	566379	1332224	Tân Lập	Phước Thiện	Bù Đốp	j ₁₋₂	60	50					HCBD1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106°15', múi chiếu 3°)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/ Khu phố	Xã/ phường/ thị trấn	Huyện/ thị xã/ thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
19	G1	586400	1334980	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40	6/GP-UBND	07/02/2020	5	Công ty TNHH Xây dựng Cơ khí Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tin Nghĩa Đức	HCBGM2	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 07/02/2025). - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Trường hợp mạng cấp nước tập trung chưa cung cấp nước đến khu vực hạn chế và kết quả quan trắc chất lượng nước 2 lần/năm của các giếng khoan trong vùng hạn chế không có dấu hiệu suy giảm chất lượng nước, có thể xem xét trình UBND tỉnh gia hạn cho các mục đích sử dụng nước khác ngoài sinh hoạt. Thời gian gia hạn giấy phép cho các mục đích sử dụng nước là 01 lần. Sau thời gian gia hạn giấy phép, Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt và chỉ được xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước đối với các công trình cấp nước sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
20	G2	586344	1335042	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40					HCBGM2	
21	G3	586345	1334984	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40					HCBGM2	
22	G4	586343	1334875	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	40					HCBGM2	
23	G5	586480	1334849	4	Đắk Ô	Bù Gia Mập	Bn ₁ ³	100	32					HCBGM2	
24	G1	552903	1280756	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	88	9/GP-UBND	01/02/2019	5	Công ty TNHH VIFEED	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 01/02/2024). - Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
25	G2	552964	1280730	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	88					HCCT1	
26	G1	553047	1279810	6	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	66	10/GP-UBND	01/02/2019	5	Công ty TNHH VIFEED	HCCT1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
27	G2	552974	1279790	6	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	66					HCCT1	
28	G3	552909	1279740	6	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	66					HCCT1	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106°15', múi chiếu 3°)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
29	G1	553182	1280402	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	35	93/GP-UBND	23/12/2019	5	Công ty TNHH Chăn nuôi An Tâm	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 23/12/2024).
30	G2	553053	1280415	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	35					HCCT1	- Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
31	G3	553171	1280329	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	35					HCCT1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
32	GK1	554666	1280816	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	9	22/GP-UBND	04/05/2022	5	Công ty TNHH Chăn nuôi Thanh Mỹ	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 04/05/2027).
33	GK2	554813	1280645	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	9					HCCT1	- Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
34	GK1	553808	1280066	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	100	40/GP-UBND	03/08/2022	5	Công ty TNHH MTV Tấn Phát BP	HCCT1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Công ty được khai thác nước dưới đất phục vụ cho hoạt động Trang trại nuôi heo tại ấp 5, xã Minh Lập thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Giấy phép số 40/GP-UBND ngày 03/8/2022 đến hết ngày 30/6/2025.
35	GK2	553493	1280039	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	93					HCCT1	- Trước ngày 30/6/2025, Công ty phải xây dựng biện pháp áp dụng và kế hoạch, lộ trình thực hiện Phương án hạn chế khai thác nước dưới đất này khi tìm nguồn nước khác phục vụ cho mục đích chăn nuôi và gửi văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để giám sát.
36	GK3	553614	1280084	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	Dự phòng					HCCT1	Nếu đến hết ngày 30/6/2025, Công ty vẫn chưa tìm được nguồn nước khác thay thế thì Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ xem xét, tham mưu UBND tỉnh gia hạn, điều chỉnh, cấp lại
37	GK4	553788	1279982	5	Minh Lập	Chơn Thành	j ₁₋₂	60	Dự phòng					HCCT1	

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 106°15', múi chiếu 3 ^o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
															giấy phép khai thác nước dưới đất cho mục đích sinh hoạt, nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. - Công ty phải kê khai bổ sung tiền cấp quyền khai thác nước trong vùng hạn chế theo quy định tại Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
38	G1	571503	1272362	1	Tiến Hưng	Đồng Xoài	j ₁₋₂	80	50	2/GP-UBND	10/01/2020	5	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Môi trường Bình Phước	HCDX1	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 10/01/2025).
39	G2	571451	1272434	1	Tiến Hưng	Đồng Xoài	j ₁₋₂	80	50					HCDX1	- Xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước chỉ cho mục đích sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước;
40	G3	571437	1272425	1	Tiến Hưng	Đồng Xoài	j ₁₋₂	80	31					HCDX1	- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.
41	G1	530904	1319820		Thạnh Biên	Lộc Thạnh	Lộc Ninh	j ₁₋₂	60	61/GP-UBND	01/07/2020	5	Công ty TNHH Chăn nuôi Vạn Thành	HCLN3b	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 01/7/2025).
42	G2	530856	1319732		Thạnh Biên	Lộc Thạnh	Lộc Ninh	j ₁₋₂	60					60	HCLN3b

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106°15', múi chiếu 3°)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/ Khu phố	Xã/ phường/ thị trấn	Huyện/ thị xã/ thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
43	G3	530835	1319639	Thanh Biên	Lộc Thạnh	Lộc Ninh	j1-2	60	60					HCLN3b	<p>và có rác thải được xử lý trong bãi rác.</p> <p>- Sau khi bãi rác hoàn thành việc xây dựng và bắt đầu đi vào hoạt động, chỉ xem xét gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác nước đối với các công trình cấp nước sinh hoạt nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.</p> <p>- Công ty có trách nhiệm tìm nguồn nước thay thế phục vụ cho các mục đích khác ngoài sinh hoạt.</p>

Phụ lục 2

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THUỘC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC 3
(KHU DÂN CƯ, ĐÔ THỊ, KHU CÔNG NGHIỆP ĐÃ ĐƯỢC CẤP NƯỚC HOẶC CÓ ĐIỂM ĐẦU NỘI LIỀN KÈ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC TẬP TRUNG)**

(Kèm theo Phương án thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước được phê duyệt tại Quyết định số 2116. QĐ/UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kính tuyến trục 106°15', múi chiều 3°)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1 Công trình không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất đã hết hạn															
1	GK1	538722	1269420	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329	110/GP-UBND	21/12/2020	31/12/2021	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	HCCT19	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Dừng khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng khoan công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai thì được xem xét, cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
2	GK2	538723	1269221	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329					HCCT19	
3	GK3	538724	1269009	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329					HCCT19	
4	GK4	538991	1269987	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329					HCCT19	
5	GK5	538493	1269985	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329					HCCT19	
6	GK6	538284	1269126	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329					HCCT19	
7	GK7	538727	1269771	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329					HCCT19	
8	GK8	538727	1269522	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	329					HCCT19	
9	GK10A	539158	1269545	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	328					HCCT19	
10	GK12	539145	1269164	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	34	Dự phòng					HCCT19	
11	G1	538769	1269694	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	44	400	35/GP-UBND	25/05/2021	27/05/2022	Công ty Cổ phần cấp thoát nước khu công nghiệp Minh Hưng III	HCCT19	
12	G2	538769	1269524	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	44	400					HCCT19	
13	G3	538879	1269751	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	59	700					HCCT19	
14	G4	538886	1269604	3A	Minh Hưng	Chơn Thành	n ₂ ²	59	700					HCCT19	



STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3°)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	G1	596971	1295785	2	Đức Liễu	Bù Đăng	Bn ₁ ³	75	30	50/GP- UBND	04/09/2018	5	Công ty Cổ phần Hoàng Sơn I	HCBDg55	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới.
16	G2	596945	1295779	2	Đức Liễu	Bù Đăng	Bn ₁ ³	75	10					HCBDg55	- Thời hạn hiệu lực của giấy phép hết ngày 04/9/2023: Trường hợp Công ty còn hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất cho mục đích sản xuất kinh doanh, bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình khai thác để cấp nước cho sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai.
17	G3	597239	1295642	2	Đức Liễu	Bù Đăng	Bn ₁ ³	75	10					HCBDg55	Được xem xét, cấp giấy phép cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
II Công trình có giấy phép khai thác nước dưới đất còn thời hạn															
18	G2	566876	1266586	Tân An	Tân Phú	Đồng Phú	J ₁₋₂	45	20	33/GP- UBND	04/04/2023	3	Cty CP Kim Tín MDF	HCDP21	- Không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới. - Tiếp tục khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép (hết ngày 31/12/2024) - Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 04/4/2023 được cấp gia hạn theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 8, Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (kinh tuyến trục 106°15', múi chiều 3 ^o)		Vị trí hành chính			Tầng chứa nước khai thác	Chiều sâu giếng	Tổng lưu lượng khai thác (m ³ /ngày)	Số giấy phép	Ngày cấp phép	Thời hạn giấy phép (năm)	Chủ giấy phép	Vùng hạn chế khai thác	Phương án hạn chế
		X	Y	Áp/Khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thị xã/thành phố									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
															- Theo Điều 4, Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 04/4/2023: Sau ngày 31/12/2024, Công ty phải dừng khai thác, sử dụng nước tại các giếng khoan và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng khoan theo quy định.

